

Số: 971/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg
ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Thực hiện Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Tiết c và d Điểm 1 Khoản I Điều 1 như sau:

“c) Thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững;

d) Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Cơ sở tham gia đào tạo nghề phải có đủ điều kiện, được hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học;”

2. Sửa đổi, bổ sung Tiết b Điểm 2 Khoản I Điều 1 về mục tiêu cụ thể giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

“- Giai đoạn 2016 - 2020

Đào tạo nghề cho 6.000.000 lao động nông thôn, trong đó:

+ Khoảng 5.500.000 lao động nông thôn được đào tạo nghề (1.400.000 người học nghề nông nghiệp; 4.100.000 người học nghề phi nông nghiệp). Sau đào tạo, ít nhất 80% số người học có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn;

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho khoảng 500.000 lượt cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm 1 Khoản II Điều 1 như sau:

“1. Lao động nông thôn từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi (đối với nam), 55 tuổi (đối với nữ), có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, bao gồm:

a) Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã;

b) Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

Trong các đối tượng nêu trên, ưu tiên đào tạo nghề cho người lao động thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân.”

4. Sửa đổi Điểm 3 Khoản III Điều 1 như sau:

“3. Chính sách đối với cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng; trung tâm khuyến nông, lâm, ngư; doanh nghiệp, hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trang trại và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp, được tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn bằng nguồn kinh phí quy định trong Đề án này và được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp đối với giảng viên, giáo viên; kỹ năng dạy học đối với người dạy nghề; nghiệp vụ quản lý dạy nghề cho lao động nông thôn đối với cán bộ quản lý.”

5. Sửa đổi Điểm 2 Khoản IV Điều 1 như sau:

“2. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề nghiệp công lập cấp huyện.

b) Thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; viện nghiên cứu; trung tâm khuyến nông, lâm, ngư; doanh nghiệp, hợp tác xã, nông trường, lâm trường, trang trại và các cơ sở sản xuất,

kinh doanh dịch vụ có đủ điều kiện tham gia hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

c) Tăng cường thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

6. Sửa đổi, bổ sung Tiết a Điểm 4 Khoản IV Điều 1 như sau:

“a) Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng

- Đổi mới và phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo yêu cầu của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và nhu cầu của người học, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới;

- Thu hút các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Nội dung chương trình đào tạo trình độ sơ cấp phải được xây dựng và phê duyệt theo đúng quy định hiện hành. Nội dung chương trình đào tạo dưới 03 tháng phải bảo đảm các yêu cầu về kiến thức nghề, kỹ năng nghề và các kiến thức bổ trợ (an toàn lao động, pháp luật lao động, tổ chức liên kết, hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm), có thời gian thực học tối thiểu không dưới 100 giờ thực học để người học có năng lực thực hiện được công việc, vị trí làm việc. Thực hiện lồng ghép các vấn đề về giới, về môi trường, văn hóa xã hội, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp trong nội dung chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

7. Bổ sung Điểm 4a vào Khoản IV Điều 1 như sau:

“4a. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

a) Việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn (bao gồm cả đào tạo nghề nông nghiệp và đào tạo nghề phi nông nghiệp) chủ yếu là dạy thực hành và được thực hiện tại nơi sản xuất. Thời gian đào tạo phải phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi ở từng vùng, từng địa phương và phù hợp với nhu cầu của người học;

b) Các nghề đào tạo cho lao động nông thôn đa dạng, cụ thể, theo nhu cầu của người học và thực tiễn sản xuất; từ đào tạo một công đoạn, một kỹ năng nghề nhất định, đến đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ một cách đầy đủ, toàn diện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

c) Tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn một cách linh hoạt, phù hợp giữa các đề án, chương trình, nhất là chương trình phổ biến, nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho cộng đồng; giữa các chính sách khác nhau, các đối tượng đào tạo, các địa phương; lồng ghép với các vấn đề về giới, về môi trường, văn hóa, xã hội kiến thức kinh doanh linh hoạt, phù hợp với đối tượng người học trong quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực;

d) Thu hút các cơ sở có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, không phân biệt cơ sở công lập hay ngoài công lập. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho người lao động;

đ) Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo các mô hình đã thí điểm có hiệu quả; đào tạo nghề tại doanh nghiệp, vùng chuyên canh, xã xây dựng nông thôn mới, làng nghề. Tiếp tục nhân rộng các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, gắn đào tạo nghề với hỗ trợ vốn sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn.”

8. Sửa đổi, bổ sung các tiết b, e, g và h Điểm 1 Khoản V Điều 1 như sau:

“b) Hoạt động 2: Định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung, đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Nội dung chủ yếu:

+ Rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn;

+ Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nghề của lao động nông thôn theo từng nghề và cấp trình độ đào tạo;

+ Rà soát, xác định nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo (số lượng, cơ cấu nghề, trình độ đào tạo) của các doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động;

+ Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

+ Rà soát, đánh giá năng lực đào tạo của các cơ sở tham gia đào tạo cho lao động nông thôn về: nghề đào tạo, chương trình, học liệu, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cơ sở vật chất thiết bị đào tạo để xác định các cơ sở đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

e) Hoạt động 6: Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Nội dung chủ yếu:

+ Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho giáo viên dạy trình độ sơ cấp và người dạy nghề: chương trình tài liệu, bồi dưỡng công nghệ mới, chương trình tài liệu bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp về nghiệp vụ tư vấn đào tạo nghề, tư vấn việc làm, chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp đối với lao động nông thôn;

+ Đào tạo nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho 7.500 người để bổ sung giáo viên cho các trung tâm giáo dục nghề nghiệp chưa đủ giáo viên cơ hữu; đào tạo 5.000 giáo viên giảng dạy kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp đối với lao động nông thôn;

+ Bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý và tư vấn đào tạo nghề, tư vấn việc làm cho lao động nông thôn cho 12.000 lượt người và 24.000 lượt cán bộ của

Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam về giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại xã.

g) Hoạt động 7: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Nội dung chủ yếu:

Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng cho khoảng 6,4 triệu lao động nông thôn theo chính sách của Đề án này; số lao động nông thôn theo học trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ đào tạo theo quy định hiện hành.

h) Hoạt động 8: Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án

- Nội dung chủ yếu:

+ Hoàn thiện tiêu chí giám sát, đánh giá Đề án; tổ chức thu thập và xử lý thông tin, quản lý kinh phí Đề án ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương; nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch, quản lý, triển khai và tổ chức thực hiện Đề án ở các cấp;

+ Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hằng năm, giữa kỳ và cuối kỳ;

+ Thực hiện cơ chế giám sát của Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam về tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn tại xã;

+ Báo cáo, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung Đề án; tình hình quản lý và sử dụng ngân sách của Đề án ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Khoản VI Điều 1 như sau:

“4. Cơ chế tài chính của Đề án

- Việc sử dụng kinh phí để tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Các địa phương tự cân đối được ngân sách phải bảo đảm kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo Đề án này;

- Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; các Bộ, ngành, đoàn thể để nhân rộng mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn và thực hiện các chính sách, giải pháp và hoạt động còn lại của Đề án.

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí riêng trong chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia cụ thể trong từng giai đoạn.

Việc phân bổ kinh phí cho các địa phương trên cơ sở quy mô lao động nông thôn, nhu cầu thực tế về đào tạo nghề, đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã của các địa phương, trên cơ sở định hướng và cân đối chung của cả nước,

trong từng lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; ưu tiên các địa phương vùng Trung du, miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng Sông Cửu Long; vùng biển, đảo; các địa phương có dân số là người dân tộc thiểu số từ 100 ngàn người trở lên hoặc có dân số là người dân tộc thiểu số dưới 100 ngàn người, nhưng có tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số từ 5% trở lên và địa phương tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn đạt từ 80% trở lên có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo.

- Huy động thêm nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Đề án. Các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho đào tạo nghề được tính là các khoản giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật.

- Các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác có hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn sử dụng ngân sách nhà nước, cơ quan chủ trì thực hiện chính sách, chương trình, dự án, đề án ở địa phương phải báo cáo Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg cấp tỉnh về kế hoạch, kinh phí và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

10. Sửa đổi, bổ sung Tiết a Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

“ a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Là cơ quan thường trực Đề án; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ tổng hợp nội dung và nhu cầu kinh phí hằng năm và từng giai đoạn của Đề án gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan điều phối và hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách, giải pháp và hoạt động của Đề án;

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm, 5 năm; tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ đưa vào dự toán ngân sách nhà nước;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho các địa phương, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có cơ sở dạy nghề liên quan gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp;

- Chủ trì chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn; hướng dẫn và tổ chức nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Đề án.”

11. Sửa đổi, bổ sung Tiết b Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

“b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:

+ Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn hằng năm và từng giai đoạn;

+ Tổng hợp kế hoạch, nhu cầu kinh phí hằng năm và từng giai đoạn về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung;

+ Hướng dẫn nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp hằng năm và từng giai đoạn cho các địa phương bảo đảm cân đối chung theo định hướng phát triển của ngành nông nghiệp và nhu cầu đào tạo lao động theo ngành, nghề của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc cung cấp các định hướng sản xuất, thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp đến xã;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: xây dựng cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và chịu trách nhiệm về việc chỉ đạo thực hiện nguồn vốn đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức hướng dẫn xây dựng danh mục nghề, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.”

12. Sửa đổi, bổ sung Tiết d Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

“d) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về giáo dục nghề nghiệp và chủ động lựa chọn các loại hình đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp giáo dục phổ thông;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ lựa chọn các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục tham gia bồi dưỡng cán bộ, công chức xã.”

13. Sửa đổi, bổ sung Tiết đ Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính như sau:

“đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Đề xuất, bố trí vốn đầu tư phát triển hằng năm để thực hiện Đề án;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ bố trí bổ sung hoặc bố trí nguồn vốn giải quyết việc làm dành riêng để cho vay đối với lao động nông thôn sau học nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp;

+ Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Bộ Tài chính:

+ Chủ trì ban hành văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với nguồn vốn sự nghiệp của Đề án; đề xuất bố trí vốn sự nghiệp hằng năm của Đề án;

+ Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.”

14. Sửa đổi, bổ sung Tiết e Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Bộ Công Thương như sau:

“ e) Bộ Công Thương:

- Chủ trì tổ chức thực hiện cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tiểu thủ công nghiệp cho lao động nông thôn đến cấp xã;

- Chỉ đạo hệ thống khuyến công gắn kết các hoạt động khuyến công với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn theo nhu cầu của doanh nghiệp;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất những chương trình, nội dung, kiến thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.”

15. Sửa đổi, bổ sung Tiết g Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông như sau:

“g) Bộ Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

16. Bổ sung Tiết g’ Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc như sau:

“g’) Ủy ban Dân tộc

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó

khăn, vùng dân tộc gắn kết với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nội dung Đề án này liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề đối với người dân tộc thiểu số.”

17. Bổ sung Tiết g” Điểm 1 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

“g”) Ngân hàng Chính sách xã hội

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với lao động nông thôn học nghề có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành; thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp từ Quỹ quốc gia về việc làm theo cơ chế cho vay giải quyết việc làm hiện hành.”

18. Bổ sung, sửa đổi Điểm 2 Khoản VII Điều 1 trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

“2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo, bồi dưỡng công chức xã trên địa bàn;

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho người lao động theo cơ chế đặt hàng đào tạo nghề và chịu trách nhiệm trực tiếp về hiệu quả thực hiện nguồn vốn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án trên địa bàn;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hằng năm, trong đó xác định cụ thể các nội dung:

+ Xây dựng danh mục nghề đào tạo, kế hoạch đào tạo nghề trên cơ sở nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và của thị trường lao động trong và ngoài nước; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; nhiệm vụ tái cơ cấu từng ngành, lĩnh vực và giảm nghèo bền vững;

+ Thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; các viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Đề án này;

+ Quy định cụ thể mức chi phí đào tạo cho từng nghề đào tạo phù hợp với thực tế của địa phương. Ngoài mức hỗ trợ nêu trong Đề án này, các địa phương căn cứ khả năng nguồn ngân sách của mình quyết định mức hỗ trợ bổ sung cho người học;

- Lồng ghép các nguồn lực, các hoạt động của đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn với các chương trình, đề án khác có liên quan để tránh sự chồng chéo trong tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại địa phương;

- Rà soát, phê duyệt điều chỉnh các nội dung, chỉ tiêu nhiệm vụ thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của địa phương phù hợp với nhu cầu dạy nghề, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động và các điều kiện đảm bảo thực hiện Đề án. Hoàn chỉnh, phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề đến năm 2020, trong đó tập trung rà soát, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp huyện;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã hằng năm. Sử dụng có hiệu quả kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã;

- Chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo của địa phương có chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Bố trí mỗi huyện có 01 cán bộ chuyên trách ở Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp;

- Tổ chức tuyên truyền, xây dựng thương hiệu hàng hóa, xây dựng chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho lao động nông thôn;

- Tổng hợp báo cáo kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, gồm: kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Đề án này; kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác; số lượng lao động nông thôn được học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động (doanh nghiệp) theo quy định của Bộ luật Lao động và số lượng lao động nông thôn đào tạo nghề ở các trình độ, tự chi trả học phí;

- Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc, kiểm tra và chỉ đạo thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Đề án này và các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác có hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn;

- Theo dõi, đôn đốc, tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Đề án và định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi báo cáo tình hình thực hiện Đề án tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điểm 3 Khoản VIII Điều 1 như sau:

“3. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp trong công nhân lao động và đào tạo nghề trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Nâng cao năng lực các cơ sở dạy nghề của tổ chức công đoàn đến năm 2020”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Hội Nông dân Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, thành lập doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất, kinh doanh; làm đầu mối tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các mô hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; phối hợp cùng với Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại xã;

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nữ trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động cựu chiến binh tham gia học nghề và phối hợp cùng với Hội Nông dân Việt Nam thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại xã;

- Hội Khuyến học Việt Nam tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề gắn với xây dựng các mô hình học tập vào các nội dung phù hợp của Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Hiệp hội Dạy nghề và Nghề công tác xã hội, Hiệp hội làng nghề Việt Nam, các tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật và các hội nghề nghiệp khác trực tiếp tuyên truyền vận động hội viên, thành viên tham gia lồng ghép các hoạt động theo điều lệ, quy chế của tổ chức mình với các hoạt động trong Đề án này và tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.”

20. Thay thế các cụm từ trong một số nội dung của Điều 1 như sau:

a) Thay cụm từ “Lao động nông thôn thuộc diện hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo” bằng cụm từ “Lao động nông thôn thuộc hộ cận nghèo”; cụm từ “hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới ba tháng)” bằng cụm từ “hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng”; cụm từ “thời gian học nghề thực tế” bằng cụm từ “thời gian đào tạo thực tế”; cụm từ “trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề” bằng cụm từ “trình độ trung cấp, cao đẳng”; cụm từ “sau khi học nghề” bằng cụm từ “sau khi đào tạo nghề” và cụm từ “hỗ trợ học nghề” bằng cụm từ “hỗ trợ đào tạo nghề” tại Điểm 1 Khoản III Điều 1;

b) Thay cụm từ “Giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề” bằng cụm từ “Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp” tại Điểm 2 Khoản III Điều 1;

c) Thay cụm từ “cơ sở đào tạo nghề” bằng cụm từ “cơ sở giáo dục nghề nghiệp”; cụm từ “trung tâm dạy nghề” bằng cụm từ “trung tâm giáo dục nghề nghiệp”; cụm từ “giáo viên đi dạy nghề lưu động, thiết bị dạy nghề” bằng cụm từ “giáo viên đi đào tạo lưu động, thiết bị đào tạo”; cụm từ “trường trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ” bằng cụm từ “trường trung cấp thủ công mỹ nghệ”; cụm từ “chất lượng dạy nghề” bằng cụm từ “chất lượng đào tạo”; cụm từ “các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp” bằng cụm từ “các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường đại học”; cụm từ “có đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn được tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn” bằng cụm từ “có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn” và bỏ cụm từ “trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp” tại Điểm 3 Khoản III Điều 1;

d) Thay cụm từ “tư vấn học nghề” bằng cụm từ “tư vấn giáo dục nghề nghiệp”; cụm từ “tham gia học nghề” bằng cụm từ “tham gia đào tạo nghề” và cụm từ “các loại hình học nghề” bằng cụm từ “các loại hình đào tạo nghề nghiệp” tại Điểm 1 Khoản IV Điều 1;

đ) Thay cụm từ “đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề” bằng cụm từ “đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp”; cụm từ “tham gia dạy nghề” bằng cụm từ “tham gia đào tạo nghề”; cụm từ “trung tâm dạy nghề” bằng cụm từ “trung tâm giáo dục nghề nghiệp” và cụm từ “biên chế chuyên trách về công tác dạy nghề” bằng cụm từ “biên chế chuyên trách về công tác giáo dục nghề nghiệp” tại Điểm 3 Khoản IV Điều 1;

e) Thay cụm từ “học liệu dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên” bằng cụm từ “học liệu đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng”; cụm từ “học liệu dạy nghề” bằng cụm từ “học liệu đào tạo”; cụm từ “thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề” bằng cụm từ “thiết bị đào tạo trình độ sơ cấp” và cụm từ “cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn” bằng cụm từ “cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn” tại Điểm 4 Khoản IV Điều 1;

g) Thay cụm từ “dạy nghề cho lao động nông thôn” bằng cụm từ “đào tạo nghề cho lao động nông thôn”; cụm từ “tư vấn học nghề” bằng cụm từ “tư vấn giáo dục nghề nghiệp”; cụm từ “dạy nghề theo các mô hình” bằng cụm từ “đào tạo nghề theo các mô hình”; cụm từ “thiết bị dạy nghề” bằng cụm từ “thiết bị đào tạo”; cụm từ “cơ sở dạy nghề” bằng cụm từ “cơ sở giáo dục nghề nghiệp”; cụm từ “trung tâm dạy nghề” bằng cụm từ “trung tâm giáo dục nghề nghiệp”; cụm từ “học liệu dạy nghề” bằng cụm từ “học liệu đào tạo” và cụm từ “đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng” bằng cụm từ “đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng” tại Điểm 1 và các Tiết a, c, d và đ Điểm 1 Khoản V Điều 1;

h) Thay cụm từ “Kinh phí dạy nghề lao động nông thôn” bằng cụm từ “Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn” và cụm từ “thiết bị dạy nghề” bằng cụm từ “thiết bị đào tạo” tại Điểm 1 và 3 Khoản VI Điều 1.



Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b). 40

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Đức Đam